

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02 - 2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuấn Vũ .

2. Bà Vũ Thị Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 141/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Đức Th - sinh năm 1976;

Trú tại: Thôn Tr, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị V - sinh năm 1981;

Trú tại: Thôn Tr, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Anh Th có đơn xin vắng mặt, chị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Lương Đức Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh ở thôn Tr, xã H, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, hay xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, hay bất đồng quan điểm. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể chung sống với nhau được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

- Về quan hệ con chung: Anh và chị V có 03 con chung là Lương Tiến Đ, sinh ngày 15/10/2003; Lương Triều V, sinh ngày 17/9/2010; Lương Đức H, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay con Đ đã đi lao động tự do, con V và con H đang được bà ngoại chăm sóc. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Bùi Thị V có bản tự khai như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K tỉnh Thái Bình vào ngày 23/01/2003. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc. Đến tháng 9 năm 2016 anh Th có bồ bên ngoài, đến 04/7/2017 anh Th viết đơn ly hôn. Quan điểm của chị không nhất trí ly hôn vì các con chị cần có bố nên chị đề nghị Tòa án không giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Th có 03 con chung là Lương Tiến Đ, sinh ngày 15/10/2003; Lương Triều V, sinh ngày 17/9/2010; Lương Đức H, sinh ngày 10/8/2012.

- Về quan hệ tài sản: Không có tài sản chung và nợ chung.

* Kết quả Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ:

- Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 31/10/2017 và ngày 19/01/2018 được cung cấp cho biết: Anh Th và chị V, cùng 03 con đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tr, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh Th lao động tự do trong địa bàn tỉnh Thái Bình, chị V thường xuyên không có mặt tại địa phương, nên địa phương không nắm được mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh Th. Về con chung của vợ chồng anh Th như anh chị ấy đã khai là đúng. Về tài sản chung không có vì vợ chồng anh Th vẫn ở chung với bố mẹ anh

Th. Vợ chồng anh Th không có nợ các quỹ tín dụng ở địa phương. Anh Th xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị V không có mặt tại địa phương, chị V đi đâu, làm gì không trình báo với chính quyền, không xin chuyển hộ khẩu, không xin tạm vắng. Khi Tòa án nhờ tổng đạt, cho niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị V thì địa phương đã tiến hành đầy đủ.

- Tòa án lấy lời khai ông V là bố anh Th được cung cấp: Anh chị Th V sau khi kết hôn thường hay về nhà mẹ đẻ chị V để sinh sống, làm ăn nhưng vẫn thường xuyên về nhà ông. Ông không thấy vợ chồng anh Th có biểu hiện mâu thuẫn, chỉ thấy anh Th nói là không muốn ở rể nên đã về quê ở.

- Tòa án B lấy lời khai của bà V là mẹ đẻ chị V được cung cấp là bà không biết về quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Th như thế nào bà không biết, bà không có ý kiến gì về việc anh Th xin ly hôn chị V. Chị V có đưa các con về nhà bà ở nhưng không nhập khẩu về gia đình bà. Hiện tại chị V để 02 con là Lương Triều V, Lương Đức H cho bà V trông nom, còn con Lương Tiến Đ đã đi làm ăn tự do ở miền nam. Chị V đi làm ăn không cho bà biết địa chỉ, chỉ liên hệ với bà qua điện thoại.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ bỏ quyền, không thực hiện hết nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Th được ly hôn chị V; Về con chung: nên giao cho anh Th trực tiếp nuôi cả 03 con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về pháp luật tố tụng:

[1] Bị đơn là chị Bùi Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã , huyện K, tỉnh Thái Bình, sau khi Tòa án thụ lý vụ án chị V còn ở địa phương và có đến

Tòa, nhưng đến ngày 31/10/2017 thì không có mặt ở địa phương nữa nhưng vẫn liên hệ với gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ngày 30/01/2018 anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mở vào ngày 02/02/2018. Tại phiên tòa hôm nay chị V vắng mặt là lần thứ 2. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị V là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án chỉ có nguyên đơn và bị đơn, họ đều vắng mặt nên phiên tòa được tiến hành theo thủ tục quy định tại điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình và phường B, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa là quê anh Thành và chị V và lấy lời khai của bố đẻ anh Th và mẹ đẻ chị V để làm rõ tình trạng hôn nhân và địa chỉ cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh Th và chị V có chứng nhận kết hôn nên đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng tuy đã sống với nhau thời gian dài nhưng không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, chị V tuy không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp gì để thuyết phục anh Th trở lại đoàn tụ, mặt khác lại bỏ đi không cho anh biết địa chỉ. Thể hiện cả hai vợ chồng đều không quan tâm đến nhau. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Th và chị V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho anh Th được ly hôn với chị V là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Th và chị Vui có 03 con chung là Lương Tiến Đ, sinh ngày 15/10/2003; Lương Triều V, sinh ngày 17/9/2010; Lương Đức H, sinh ngày 10/8/2012, ly hôn nên giao cả 03 con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay chị V đi đâu không rõ địa chỉ. Anh Th không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con đó là sự tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết và chị V khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Đức Th được ly hôn với chị Bùi Thị V.

2. Về con chung:

- Anh Lương Đức Th và chị Bùi Thị V có 03 con chung là Lương Tiến Đ, sinh ngày 15/10/2003; Lương Triều V, sinh ngày 17/9/2010; Lương Đức H, sinh ngày 10/8/2012.

- Giao cả 03 con: Lương Tiến Đ, Lương Triều V, Lương Đức H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh Th không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con.

- Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương Đức Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Th đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000767 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Anh Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Th và chị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án (theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự); cụ thể như sau: “Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Minh Đức